

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/DS-ST**

Ngày: 08-8-2019

V/v: “Tranh chấp về hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Văn Phi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hải** và bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Năng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc: “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 28/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-DS ngày 17/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị D**, sinh năm 1958, địa chỉ: Số nhà 14, Tổ 3, Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn:

1. Ông **Huỳnh T L**, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường Q V, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai;

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: Ấp T H Đ, xã T H T, huyện T P, tỉnh Tiền Giang;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa, bà D có mặt; ông L và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 29/11/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và lời trình bày tại phiên tòa của bà **Võ Thị D** thể hiện:

Bà D là chủ hui và thường tổ chức các dây hui, mục đích để hưởng tiền đầu thảo từ người hốt (lĩnh) hui. Bà có trách nhiệm trực tiếp thu tiền từ người tham gia hui và giao cho người hốt hui. Người tham gia hui đến kỳ góp hui mà không góp bà phải ứng tiền trước để giao cho người hốt hui.

Trong năm 2016, ông L và bà T là thành viên tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi và đều đã mãn hụi, cụ thể:

Ngày 15/3/2016 (âm lịch), bà D có tổ chức một dây hụi có 24 phần, thỏa thuận một phần hụi là 2.000.000 đồng với hình thức hụi có lãi. Một tháng khui hụi một lần vào ngày 15 (âm lịch) hàng tháng và bắt đầu từ 15/3/2016 (âm lịch), người hốt hụi sẽ trả tiền đầu thảo cho bà D 1.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, người tham gia hụi sẽ đóng lại số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi. Dây hụi này ông L trực tiếp tham gia 01 phần và ông L là người hốt hụi tháng thứ 11 (nhằm vào ngày 15/01/2017 âm lịch) với số tiền 38.760.000 đồng. Bà D là người trực tiếp giao đủ số tiền này và hai bên ký nhận vào giấy biên nhận hốt hụi ngày 21/01/2017 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, ông L phải đóng tiếp 12 tháng với tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Đến ngày 15/02/2018 (âm lịch) là mãn hụi, ông L mới đóng được 11 tháng với số tiền 22.000.000 đồng và đóng thêm số tiền 1.000.000 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ phần hụi, tổng cộng là 21.000.000 đồng, ông L chưa đóng số tiền đóng hụi còn lại là 3.000.000 đồng. Bà D đã ứng trước số tiền 3.000.000 đồng để giao cho người được hốt hụi, cho đến nay ông L chưa trả lại cho bà.

Ngày 10/7/2016 (âm lịch), bà D tổ chức tiếp một dây hụi có 24 phần, thỏa thuận một phần hụi là 2.000.000 đồng với hình thức hụi có lãi, mỗi tháng khui hụi một lần vào ngày 10 (âm lịch) hàng tháng, người hốt hụi sẽ trả tiền đầu thảo cho bà D 1.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, người tham gia hụi sẽ đóng lại số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi. Dây hụi này bà T trực tiếp tham gia 01 phần và bà T là người hốt hụi tháng thứ 04 (nhằm vào ngày 10/10/2016 âm lịch) với số tiền 33.400.000 đồng. Bà D là người trực tiếp giao đủ số tiền này và hai bên ký nhận vào giấy biên nhận hốt hụi ngày 17/10/2016 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, bà T phải góp tiếp 20 tháng với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Đến ngày 06/6/2018 (âm lịch) là mãn hụi bà T mới đóng được 07 tháng với số tiền 14.000.000 đồng và đóng 04 tháng tiếp theo, mỗi tháng đóng được 1.500.000 đồng với số tiền là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng; số tiền hụi còn lại bà T chưa đóng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Bà D đã ứng trước số tiền 20.000.000 đồng để giao cho người được hốt hụi, cho đến nay bà T chưa trả lại cho bà.

Tổng cộng ông L và bà T chưa đóng tiền hụi cho bà số tiền 23.000.000 đồng. Do bà T và ông L là vợ chồng và số tiền chơi hụi đều sử dụng chung cho gia đình nên bà yêu cầu ông L và bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

- Tại Bản tự khai ngày 22/01/2019 của ông Huỳnh T L và Bản tự khai ngày 29/01/2019 của bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày thể hiện:

Ông L và bà T là vợ chồng, cùng sinh sống tại Ấp 4, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Ông bà có quen biết với bà Võ Thị D và có trực tiếp tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi, cụ thể:

Ngày 15/3/2016 (âm lịch), ông L trực tiếp tham gia 01 phần, dây hụi có 24 phần, hụi có lãi và theo thỏa thuận người đã hốt hụi phải đóng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi một lần, đến ngày 15/02/2018 (âm lịch) là mãn hụi. Ông L hốt tháng thứ 11 vào ngày 15/01/2017 (âm lịch) với số tiền 38.760.000 đồng và ông đã nhận đủ số tiền nêu trên. Sau khi hốt hụi, ông L đóng tiếp 11 tháng với số tiền 22.000.000 đồng và đóng

thêm số tiền 1.000.000 đồng tương đương với ½ tháng. Đến ngày 15/02/2018 (âm lịch) là mãn hạn, ông L thừa nhận còn thiếu tiền hạn chưa đóng cho bà D là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Ngày 10/7/2016 (âm lịch), bà T là người trực tiếp tham gia 01 phần, đây hạn có 24 phần, hạn có lãi và theo thỏa thuận người đã hốt hạn phải đóng 2.000.000 đồng, cứ mỗi tháng khai hạn một lần, đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) là mãn hạn. Bà T là người hốt thứ 4 vào ngày 10/10/2016 (âm lịch) với số tiền 33.400.000 đồng và bà đã nhận đủ số tiền nêu trên. Sau khi hốt hạn, bà T đóng được tiếp 10 tháng với số tiền 20.000.000 đồng và đóng thêm 05 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng với số tiền 7.500.000 đồng, tổng cộng bà đã góp 27.500.000 đồng. Đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) là mãn hạn, bà T thừa nhận chưa đóng 05 tháng hạn với số tiền 10.000.000 đồng và 05 tháng trả thiếu (mỗi tháng thiếu 500.000 đồng) với số tiền 2.500.000đ, tổng cộng bà T còn nợ tiền hạn của bà D là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L và bà T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 23.000.000 đồng. Ông L và bà T không đồng ý mà chỉ chấp nhận trả cho bà D 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 05/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, về việc: “Tranh chấp về hạn” đối với ông Huỳnh T L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a,

khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền tiền hội chưa đóng là tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Vì vậy, căn cứ theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hội”.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà D khởi kiện yêu đối với ông L và bà T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà D là nguyên đơn, ông L và bà T là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Các đương sự thừa nhận: Bà D là chủ hội và thường tổ chức các dây hội, mục đích để hưởng tiền đầu thảo, tiền đầu thảo do người hót hội trả. Người tham gia hội sẽ bốc thăm để hót hội, người đã hót hội sẽ không bốc thăm mà đóng hội chết với số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi kết thúc hội. Ông L tham gia dây hội ngày 15/3/2016 (âm lịch), bà T tham gia dây hội ngày 10/7/2016 (âm lịch), các dây hội này đều do bà D làm chủ hội. Dây hội ông L, bà T tham gia đều có 24 phần, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng với hình thức góp hội có lãi, hội được đóng theo tháng, mỗi tháng khai một lần, thỏa thuận tiền T là 1.000.000 đồng. Ông L và bà T đã hót (lĩnh hội) và ký nhận vào các ngày 21/01/2017 (âm lịch), 17/10/2016 (âm lịch) và các dây hội mà ông L, bà T tham gia hiện đều đã kết thúc. Đối với dây hội ngày 15/3/2016 (âm lịch) mà ông L tham gia 01 phần hội, bà D yêu cầu ông L phải trả số tiền nợ hội 3.000.000 đồng, ông L thừa nhận nợ và bà T cũng đồng ý trả cho bà D 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của bà D đối với dây hội ngày 10/7/2016 (âm lịch) mà bà T trực tiếp tham gia 01 phần hội: Bà T thừa nhận có tham gia chơi hội và hót hội như lời trình bày của bà D là đúng. Sau khi hót hội bà đã góp được cho bà D tổng cộng số tiền 27.500.000 đồng, cụ thể: Bà T góp 10 tháng với số tiền 20.000.000 đồng và trả thêm 5 lần (mỗi lần 1.500.000 đồng) với số tiền 7.500.000 đồng nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Bà D yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ hội là 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà D cung cấp danh sách dây hội tháng 24 phần khai ngày 10/7/2016 (âm lịch) có tên bà T tham gia, trong đó: Ghi nhận người đã góp và chưa góp. Theo sổ ghi chép của bà D thể hiện bà T mới góp được số tiền là 20.000.000 đồng, cụ thể góp được 07 tháng với số tiền 14.000.000 đồng và trả thêm 4 lần (mỗi lần 1.500.000 đồng) với số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền bà T chưa góp 09 tháng là 18.000.000 đồng và 04 lần góp thiếu (mỗi lần 500.000 đồng), tổng cộng 2.000.000 đồng và bà D đã ứng ra góp thay cho bà T nên lời trình bày của bà D là có cơ sở chấp nhận. Bản thân bà T không thừa nhận còn nợ 20.000.000 đồng nhưng bà không đến Tòa án để tham gia các buổi đối chất, các phiên

hợp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nên lời trình bày của bà T không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Theo xác minh tại địa phương cho thấy ông L và bà T là vợ chồng, cùng chơi hụi do bà D là chủ hụi. Hiện vợ chồng ông L và bà T vẫn chung sống, làm ăn chăm lo cho gia đình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà D buộc ông L và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) cho bà D là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên ông L và T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: 23.000.000đ x 5% = 1.150.000đ.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005;

- Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, hụi, biên, phường;

- Nghị định số 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hộ, hụi, biên, phường;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D:

Ông Huỳnh T L và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Thị D số tiền nợ hụi là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Huỳnh T L và bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Võ Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Về quyền kháng cáo: Bà D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L và bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi

